

# DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN CỦA TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HUYỆN LONG THÀNH

(Đính kèm Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            /5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

| STT      | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                                       | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu       |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------------|
| <b>I</b> | <b>Hạng mục: máy vi tính, bộ lưu điện, máy in, máy scan, ổ cứng, máy quay phim, thẻ nhớ, máy photocopy, thiết bị mạng</b> |     |          | <b>729.718.000</b> |
| 1        | Máy vi tính văn phòng (cấu hình tối thiểu như sau)                                                                        | Bộ  | 8        |                    |
|          | - Máy tính đồng bộ (ISO 9001 : 2015, ISO 14001-2015, TCVN 7189 : 2009)                                                    |     |          |                    |
|          | - Bảo hành tiêu chuẩn: 24 tháng                                                                                           |     |          |                    |
|          | - CPU: AMD Ryzen 3 2200G - 3.50 GHz                                                                                       |     |          |                    |
|          | + Thẻ hệ CPU: AMD Ryzen Thẻ hệ thứ 2                                                                                      |     |          |                    |
|          | + Dòng CPU: Ryzen 3                                                                                                       |     |          |                    |
|          | - Bo mạch chủ (chipset): Asus Prime A320M                                                                                 |     |          |                    |
|          | - Bộ nhớ (RAM): 01 x 4GB DDR4                                                                                             |     |          |                    |
|          | - Chip đồ họa: Onboard                                                                                                    |     |          |                    |
|          | - Lưu trữ: SSD 120GB SATA +HDD 1000GB Sata                                                                                |     |          |                    |
|          | - Cổng xuất hình: VGA, HDMI                                                                                               |     |          |                    |
|          | - Lan: Gigabit Lan controller                                                                                             |     |          |                    |
|          | - Vỏ máy và nguồn: Vietcom ATX case & 380W PSU                                                                            |     |          |                    |
|          | - Monitor LCD Led 21.5"                                                                                                   |     |          |                    |
|          | - Keyboard (Bàn phím): USB                                                                                                |     |          |                    |
|          | - Mouse (Chuột): Optical USB                                                                                              |     |          |                    |
|          | - Phụ kiện: CD Driver & Utilities                                                                                         |     |          |                    |
|          | - Hệ điều hành: Free Dos                                                                                                  |     |          |                    |
| 2        | Máy vi tính phục vụ xử lý phim ảnh, quay hiện trạng (cấu hình tối thiểu như sau)                                          | Bộ  | 2        |                    |
|          | - Máy tính đồng bộ thương hiệu Việt Nam (ISO 9001 : 2015, ISO 14001-2015, TCVN 7189 : 2009)                               |     |          |                    |
|          | - Bảo hành tiêu chuẩn: 24 tháng                                                                                           |     |          |                    |
|          | - CPU: CPU AMD Ryzen 5 2400G 3.6 GHz                                                                                      |     |          |                    |
|          | - Bo mạch chủ (chipset): Asus Prime B450-PLUS AM4                                                                         |     |          |                    |

| STT | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                        | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|     | - Bộ nhớ (RAM): 01 x 8GB DDR4                                              |     |          |              |
|     | - Chip đồ họa: Onboard                                                     |     |          |              |
|     | - Lưu trữ: 120GB SSD + HDD 1TB                                             |     |          |              |
|     | - Cổng xuất hình: VGA, HDMI                                                |     |          |              |
|     | - Lan: Gigabit Lan controller                                              |     |          |              |
|     | - Vỏ máy và nguồn: Vietcom ATX case & 400W PSU                             |     |          |              |
|     | - Monitor LCD Led 21.5"                                                    |     |          |              |
|     | - Keyboard (Bàn phím): USB                                                 |     |          |              |
|     | - Mouse (Chuột): Optical USB                                               |     |          |              |
|     | - Phụ kiện: CD Driver & Utilities                                          |     |          |              |
|     | - Hệ điều hành: Free Dos                                                   |     |          |              |
| 3   | Máy vi tính đặc thù phục vụ hoạt động sân bay (cấu hình tối thiểu như sau) | Bộ  | 2        |              |
|     | - CPU: Intel Core i3-8100 (6M Cache, 3.6GHz)                               |     |          |              |
|     | - Bo mạch chủ (chipset): B310M                                             |     |          |              |
|     | - Bộ nhớ (RAM): 01 x 4GB DDR4                                              |     |          |              |
|     | - Chip đồ họa: Onboard HD 630                                              |     |          |              |
|     | - Lưu trữ: 120 SSD + HDD 1TB SATA                                          |     |          |              |
|     | - Vỏ máy và nguồn: ATX & 380W                                              |     |          |              |
|     | - Monitor LCD Led 21.5" (Samsung/tương đương)                              |     |          |              |
|     | - Keyboard (Bàn phím): USB                                                 |     |          |              |
|     | - Mouse (Chuột): Optical USB                                               |     |          |              |
|     | - Hệ điều hành: Free Dos                                                   |     |          |              |
| 4   | Máy tính xách tay                                                          | Cái | 1        |              |
|     | - CPU: Intel® Core™ i5-8265U (1.60 upto 3.90GHz, 4 nhân 8 luồng, 6MB)      |     |          |              |
|     | - Màn hình: 14" IPS (1366 x 768), không cảm ứng                            |     |          |              |
|     | - RAM: 1 x 4GB DDR4 2400MHz                                                |     |          |              |
|     | - Đồ họa: Intel UHD Graphics 620                                           |     |          |              |
|     | - Lưu trữ: 500GB HDD 5400RPM + SSD 120GB M2 SATA                           |     |          |              |

| STT | Tên hàng hóa/ Mô tả                                    | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|-----|--------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|     | - Kết nối không dây: WiFi 802.11ac , Bluetooth 5.0     |     |          |              |
|     | - Hệ điều hành: Free DOS                               |     |          |              |
|     | - Pin: 3-cell, 45 Wh                                   |     |          |              |
|     | - Tính năng: Bảo mật vân tay                           |     |          |              |
| 5   | Bộ lưu điện Offline 700VA                              | Bộ  | 14       |              |
|     | - Xuất xứ: Chính hãng                                  |     |          |              |
|     | - Công suất: 700VA / 360W                              |     |          |              |
|     | - Điện áp đầu vào: 220 – 240 VAC                       |     |          |              |
|     | - Tần số: 50 - 60 Ghz +/-1Hz                           |     |          |              |
|     | - Công nghệ sử dụng : UPS Line-InterActive             |     |          |              |
| 6   | Máy in laser trắng đen                                 |     |          |              |
| 6.1 | Máy in HP LaserJet Pro M402DN                          | Cái | 5        |              |
|     | - Công nghệ in: In Laser                               |     |          |              |
|     | - Tính năng có sẵn: In 2 mặt tự động (duplex)          |     |          |              |
|     | - Khổ giấy: A4 ; Letter                                |     |          |              |
|     | - Tốc độ: 38 trang/phút                                |     |          |              |
|     | - Bộ nhớ RAM: 128 MB                                   |     |          |              |
|     | - Độ phân giải: 1.200 x 1.200 dpi                      |     |          |              |
|     | - Kết nối: USB, LAN                                    |     |          |              |
|     | - Chu kỳ in hàng tháng: 80,000 trang/ tháng            |     |          |              |
|     | - Màn hình hiển thị: LCD 2 dòng                        |     |          |              |
|     | - khay tay đa dụng: 100 tờ                             |     |          |              |
|     | - khay gầm 1: 250 tờ                                   |     |          |              |
| 6.2 | Máy in HP LaserJet Pro M404DN                          | Cái | 2        |              |
|     | - Loại máy: Laser đen trắng                            |     |          |              |
|     | - Tính năng có sẵn: In 2 mặt tự động (duplex), in mạng |     |          |              |
|     | - Khổ giấy: A4; A5; A6; B5 (JIS); B6 (JIS)....         |     |          |              |
|     | - Tốc độ: 38 trang/phút                                |     |          |              |

| STT | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                 | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|     | - Bộ nhớ RAM: 256 MB                                                                                |     |          |              |
|     | - Độ phân giải: 1.200 x 1.200 dpi                                                                   |     |          |              |
|     | - Kết nối: USB, LAN                                                                                 |     |          |              |
|     | - Apple AirPrint™; Google Cloud Print™; HP ePrint; HP Smart App                                     |     |          |              |
|     | - Mực (độ phủ 5% giấy A4): HP CF276A                                                                |     |          |              |
|     | - khay tay đa dụng: 100 tờ                                                                          |     |          |              |
|     | - khay gầm 1: 250 tờ                                                                                |     |          |              |
| 7   | Máy in laser màu                                                                                    | Cái | 1        |              |
|     | - Loại: Máy in laser màu                                                                            |     |          |              |
|     | - Khổ giấy: A4, A5(L), A5(P), A6, B5, B6, 16k, 10 x 15 cm, Post Cards (JIS), Envelopes (DL, C5, B5) |     |          |              |
|     | - Tốc độ: 21 trang/phút                                                                             |     |          |              |
|     | - Độ phân giải: 600 x 600 dpi                                                                       |     |          |              |
|     | - Bộ nhớ RAM: 256MB                                                                                 |     |          |              |
|     | - Màn hình: LCD 2.7"                                                                                |     |          |              |
|     | - In đảo mặt: Có (Duplex)                                                                           |     |          |              |
|     | - Kết nối: USB/ LAN/ WIFI                                                                           |     |          |              |
|     | - Mực (độ phủ 5% giấy A4): Cartridge 500A, 501A, 502A, 503A                                         |     |          |              |
|     | - khay nạp giấy 250 tờ. Ngăn giấy ra 100 tờ                                                         |     |          |              |
|     | - Hệ điều hành tương thích: Windows OS, Fedora, Linux, Ubuntu, Mac OS, Mobile OS                    |     |          |              |
| 8   | Máy scan tài liệu chuyên dụng                                                                       | Cái | 1        |              |
|     | - Loại máy: Máy scan tài liệu chuyên dụng                                                           |     |          |              |
|     | - Khổ giấy scan: tối đa A4                                                                          |     |          |              |
|     | - Độ phân giải: 600 x 600 dpi                                                                       |     |          |              |
|     | - Cảm biến hình ảnh: CIS x 2                                                                        |     |          |              |
|     | - Chế độ quét:                                                                                      |     |          |              |
|     | + Màu: đầu vào 48 bit, đầu ra 24 bit                                                                |     |          |              |
|     | + Xám: đầu vào 16 bit, đầu ra 8 bit                                                                 |     |          |              |
|     | + Đen trắng: 1 bit                                                                                  |     |          |              |

| STT | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                                             | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|     | - Tốc độ quét (ADF): 30 tờ/phút, 60 ảnh/phút                                                                                    |     |          |              |
|     | - Dung lượng khay ADF:                                                                                                          |     |          |              |
|     | + 100 tờ (A4/Letter, 70 g/m <sup>2</sup> hoặc 18 Lbs)                                                                           |     |          |              |
|     | + 30 tờ (Danh thiếp)                                                                                                            |     |          |              |
|     | + Thẻ nhựa, Độ dày tối đa dưới 1,2 mm.                                                                                          |     |          |              |
|     | + Trọng lượng giấy cho phép (độ dày): 50 - 105 g/m <sup>2</sup> (14 - 28 Lbs)                                                   |     |          |              |
|     | + Dung lượng ADF tối đa thay đổi tùy vào trọng lượng giấy                                                                       |     |          |              |
|     | - Kết nối: USB 2.0                                                                                                              |     |          |              |
|     | - Định dạng file scan: JPEG, TIFF, PDF, PDF searchable                                                                          |     |          |              |
|     | - Chức năng đặc biệt: scan 2 mặt tự động, scan thẻ nhựa, scan giấy dài lên đến 5,080 m, cảm biến siêu âm phát hiện giấy nạp kép |     |          |              |
|     | - Hệ điều hành tương thích: Windows OS, Fedora, Linux, Ubuntu, Mac OS, Mobile OS                                                |     |          |              |
| 9   | Máy Scan tài liệu trắng đen                                                                                                     | Cái | 1        |              |
|     | - Độ phân giải: 600 dpi.                                                                                                        |     |          |              |
|     | - Độ sâu quét: 24 bit ngoài - 48 bit trong.                                                                                     |     |          |              |
|     | - Khay nạp tài liệu tự động ADF 50 tờ.                                                                                          |     |          |              |
|     | - Tốc độ quét tài liệu tự động: Lên đến 24 tờ/phút, 48 ảnh/phút.                                                                |     |          |              |
|     | - Định dạng tập tin chụp quét: PDF, JPEG, PNG, BMP, TIFF, Text (.txt), Rich Text (rtf).                                         |     |          |              |
|     | - Bộ nhớ: 64MB                                                                                                                  |     |          |              |
|     | - Kết nối: USB, LAN                                                                                                             |     |          |              |
|     | - Hệ điều hành tương thích: Windows OS, Fedora, Linux, Ubuntu, Mac OS, Mobile OS                                                |     |          |              |
| 10  | Ổ cứng HDD 2TB                                                                                                                  | Cái | 1        |              |
|     | - Dung lượng: 2TB                                                                                                               |     |          |              |
|     | - Kích thước: 3.5"                                                                                                              |     |          |              |
|     | - Kết nối: SATA 3                                                                                                               |     |          |              |
|     | - Tốc độ vòng quay: 7200rpm                                                                                                     |     |          |              |
| 11  | Ổ cứng HDD 4TB                                                                                                                  | Cái | 10       |              |
|     | - Chuẩn kết nối: SATA 3 (6Gb/s)                                                                                                 |     |          |              |
|     | - Dung lượng lưu trữ: 4TB (4000GB)                                                                                              |     |          |              |

| STT | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                          | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|     | - Kích thước / Loại: 3.5 inch                                                |     |          |              |
|     | - Công nghệ Advanced Format (AF): Có                                         |     |          |              |
|     | - Công nghệ tự động sắp xếp các yêu cầu truy xuất: Có                        |     |          |              |
|     | - Chứng nhận tiêu chuẩn RoHS                                                 |     |          |              |
| 12  | Ổ lưu trữ mạng (NAS)                                                         | Cái | 5        |              |
|     | - CPU: Intel Celeron J3355 Dual Core 2.0 GHz (turbo to 2.5 GHz) 64-bit       |     |          |              |
|     | - Memory: 2 GB DDR3L (up to 6GB)                                             |     |          |              |
|     | - Loại HDD/SSD tương thích: 3.5" or 2.5" SATA HDD, SATA SSD                  |     |          |              |
|     | - Chuẩn ổ cứng/ Dung lượng tối đa: 2.5" và 3.5" Sata/ 24TB (12 TB x 2)       |     |          |              |
|     | - Cổng giao tiếp: USB 3.0 port x 3, eSATA port x 1, LAN: Gigabit (RJ-45) x 1 |     |          |              |
|     | - Mã hóa phần cứng AES-NI                                                    |     |          |              |
|     | - Sản phẩm chưa bao gồm HDD kèm theo                                         |     |          |              |
|     | - Phí cấu hình ổ cứng mạng synology                                          |     |          |              |
| 13  | Ổ cứng di động cho máy quay                                                  | Cái | 1        |              |
|     | - Dung lượng: 1TB                                                            |     |          |              |
|     | - Tốc độ quay: 5400rpm                                                       |     |          |              |
|     | - Chuẩn giao tiếp: USB3.0                                                    |     |          |              |
|     | - Kích thước: 2.5"                                                           |     |          |              |
|     | - Tương thích: Windows 7, Windows 8, Windows10, Mac OS X 10.5 hoặc cao hơn   |     |          |              |
| 14  | Thẻ nhớ 128Gb cho máy quay                                                   | Cái | 8        |              |
|     | - Tốc độ: Class 10                                                           |     |          |              |
|     | - Tốc độ đọc và ghi của thẻ: 170MB/S                                         |     |          |              |
|     | - Dễ dàng quay 4K UHD, full Hd để cho ra những video chất lượng cao nhất     |     |          |              |
| 15  | Máy quay phim                                                                | Máy | 8        |              |
|     | - Chụp ảnh 12MP ở tốc độ 30 khung hình / giây                                |     |          |              |
|     | - Chống thấm ở độ sâu đến 10.0m                                              |     |          |              |
|     | - Điều khiển giọng nói                                                       |     |          |              |
|     | - Màn hình LCD 2" cảm ứng chạm, thu phóng                                    |     |          |              |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                   | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|------|-----------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|      | - Wifi, GPS, Bluetooth                                                |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ thẻ nhớ: microSD/HC/XC                                       |     |          |              |
|      | - Pin không thể tháo rời                                              |     |          |              |
|      | - Thương hiệu GoPro chính hãng                                        |     |          |              |
| 16   | Sạc dự phòng cho máy quay                                             | Cái | 8        |              |
|      | - AC Input: 100-240V~0.5A 50-60Hz                                     |     |          |              |
|      | - Micro USB Input: 5V=2A                                              |     |          |              |
|      | - USB Output (Khi cắm vào ổ điện): 5V=2.1A                            |     |          |              |
|      | - USB Output (Khi sạc ở chế độ pin dự phòng): 5V=3A                   |     |          |              |
| 17   | Máy photocopy                                                         |     |          |              |
| 17.1 | Máy photocopy Ricoh MP2701                                            | Máy | 1        |              |
|      | - Chức năng chuẩn: Copy, In, Scan màu, Duplex, RADF                   |     |          |              |
|      | - Màn hình hiển thị LCD 4 dòng                                        |     |          |              |
|      | - Tốc độ in/copy: 27 trang / phút khổ A4                              |     |          |              |
|      | - Tốc độ scan: 18 trang /phút (trắng đen), 6 trang /phút (trang màu). |     |          |              |
|      | - Thời gian khởi động: ít hơn 19 giây                                 |     |          |              |
|      | - Tốc độ chụp bản đầu tiên: ít hơn 6.5 giây                           |     |          |              |
|      | - Độ phân giải: 600 dpi x 600 dpi                                     |     |          |              |
|      | - Bộ nhớ: 512MB                                                       |     |          |              |
|      | - Khổ giấy tối đa: A3                                                 |     |          |              |
|      | - khay giấy: 01 x 500 tờ                                              |     |          |              |
|      | - Khay tay: 100 tờ                                                    |     |          |              |
|      | - Chức năng đảo mặt bản sao - in hai mặt tự động Duplex               |     |          |              |
|      | - Chức năng nạp và đảo bản gốc với khay ARDF                          |     |          |              |
|      | - Chức năng in qua mạng Lan có dây                                    |     |          |              |
|      | - Chức năng scan qua mạng, thư mục, email                             |     |          |              |
|      | - Khả năng phóng to thu nhỏ: 25% - 400%                               |     |          |              |
|      | - Sao chụp liên tục: 999 tờ                                           |     |          |              |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                                                    | DVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|      | - Cổng kết nối: USB 2.0, RJ45                                                                                                          |     |          |              |
|      | - Hệ điều hành hỗ trợ: Windows® 7/8/8.1/10, Windows® Server 2003/2008/2012/2016.                                                       |     |          |              |
|      | - Bộ nạp và đảo mặt bản gốc: có sẵn (khả năng chứa giấy 50 tờ)                                                                         |     |          |              |
|      | - Bộ đảo bản sao: có sẵn                                                                                                               |     |          |              |
|      | - Đã bao gồm: mực, chân máy                                                                                                            |     |          |              |
| 17.2 | Máy photocopy Ricoh MP2501L                                                                                                            | Máy | 2        |              |
|      | - Phương thức in: Quét, tạo ảnh bằng 2 tia laser và in bằng tĩnh điện                                                                  |     |          |              |
|      | - Tốc độ: 25 bản/ phút                                                                                                                 |     |          |              |
|      | - Khổ giấy: A6 - A3                                                                                                                    |     |          |              |
|      | - Độ phân giải: 600 x 600 dpi                                                                                                          |     |          |              |
|      | - Sao chụp liên tục: lên đến 99 bản                                                                                                    |     |          |              |
|      | - Phóng to - thu nhỏ: 50% - 200%.                                                                                                      |     |          |              |
|      | - Quét ảnh 1 lần, sao chụp nhiều lần                                                                                                   |     |          |              |
|      | - Chức năng có sẵn: Chia bộ tài liệu, In khổ giấy Max. A3, Quét ảnh màu                                                                |     |          |              |
|      | - Bộ nhớ tiêu chuẩn: 128MB                                                                                                             |     |          |              |
|      | - Khay giấy: 2 x 250 tờ; Khay tay: 100 tờ                                                                                              |     |          |              |
|      | - Có sẵn: Bộ đảo mặt bản sao, In/scan (in/scan cổng USB)                                                                               |     |          |              |
|      | - Công suất sao chụp: Min. 8,000 bản / tháng ; Max. 10,000 bản / tháng                                                                 |     |          |              |
|      | - Bảo hành 12 tháng hoặc 40,000 bản chụp tùy điều kiện nào đến trước                                                                   |     |          |              |
|      | * Kèm theo:                                                                                                                            |     |          |              |
|      | - Mực từ                                                                                                                               |     |          |              |
|      | - Bộ nạp và đảo bản gốc tự động ARDF 2030                                                                                              |     |          |              |
|      | - DDST type M1 (In mạng)                                                                                                               |     |          |              |
| 18   | Hệ thống mạng                                                                                                                          |     |          |              |
| 18.1 | Bộ định tuyến không dây                                                                                                                | Bộ  | 2        |              |
|      | - Hỗ trợ chuẩn 802.11ac                                                                                                                |     |          |              |
|      | - Kết nối băng tần kép tốc độ 300Mbps trên băng tần 2.4GHz và 867Mbps trên băng tần 5GHz cho tổng băng thông khả dụng lên đến 1200Mbps |     |          |              |
|      | - 4 ăng ten ngoài và 1 ăng ten ngầm cung cấp vùng phủ rộng lớn và tối ưu nhất                                                          |     |          |              |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                          | ĐVT   | Số lượng | Giá gói thầu |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------|--------------|
|      | - Quản lý hệ thống mạng cực kỳ đơn giản với ứng dụng Tether của TP-Link                                      |       |          |              |
|      | - Công nghệ MU-MIMO cho hiệu quả sử dụng cao hơn gấp hai lần với khả năng truyền tải đến 2 thiết bị cùng lúc |       |          |              |
|      | - Hỗ trợ chế độ Access Point, giúp bạn nhanh chóng tạo ra một điểm truy cập không dây                        |       |          |              |
| 18.2 | Switch 24port                                                                                                | Cái   | 2        |              |
|      | - 24 ports RJ45 10/100/1000Mbps, Auto negotiation (MDI/MDIX).                                                |       |          |              |
|      | - IEEE 802.3u,ab,3x, IEEE 802.3az                                                                            |       |          |              |
|      | - Wire-speed performance: 48Gbps                                                                             |       |          |              |
|      | - Kiểm soát lưu lượng hỗ trợ, Nway tự động điều chỉnh với bất kỳ công mạng                                   |       |          |              |
|      | - Nguồn cung cấp: AC 100~240V/20W                                                                            |       |          |              |
| 18.3 | Tủ rack 6U                                                                                                   | Cái   | 1        |              |
|      | - Loại: Rack Wallmount 6U                                                                                    |       |          |              |
|      | - Vật liệu: Thép SPCC-SD 1.2mm                                                                               |       |          |              |
|      | - Kiểu dáng: Dạng đóng với một cửa trước được gắn kính 5mm hoặc cửa lưới.                                    |       |          |              |
|      | - Chuẩn: 19" IEC297-2, DIN 41494                                                                             |       |          |              |
| 18.4 | Cáp mạng 5E                                                                                                  | Thùng | 2        |              |
|      | - Loại: Cat 5E UTP 4 Pair Cable PVC Sheath @ 305m chống nhiễu                                                |       |          |              |
| 18.5 | Conector UTP RJ45                                                                                            | Cái   | 80       |              |
|      | - Kèm theo đầu bịt, đánh số                                                                                  |       |          |              |
| 18.6 | Ổ mạng nổi 2 port                                                                                            | Bộ    | 16       |              |
|      | - Loại 2 port                                                                                                |       |          |              |
|      | - Bao gồm: đế nổi                                                                                            |       |          |              |
| 18.7 | Dây patch cord 3m                                                                                            | Sợi   | 24       |              |
|      | - Chiều dài: 3m                                                                                              |       |          |              |
|      | - Kèm theo đầu bịt, đánh số                                                                                  |       |          |              |
| 18.8 | Vật tư phụ lắp đặt hệ thống                                                                                  | Lô    | 1        |              |
|      | - Nẹp nhựa 3P chống cháy (15 cây)                                                                            |       |          |              |
|      | - Nẹp nhựa 5P chống cháy (15 cây)                                                                            |       |          |              |
|      | - Nẹp nhựa bán nguyệt D60 (10 cây)                                                                           |       |          |              |

| STT       | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                                                                                                                                                               | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu       |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------------|
|           | - Dây điện đơn 3.0mm <sup>2</sup> (01 cuộn)                                                                                                                                                                                                       |     |          |                    |
|           | - Dây điện đôi 2x0.75mm <sup>2</sup> (01 cuộn)                                                                                                                                                                                                    |     |          |                    |
|           | - Ổ cắm 3 chấu chất lượng cao (20 cái)                                                                                                                                                                                                            |     |          |                    |
|           | - MCB tổng 30A, kèm hộp (01 bộ)                                                                                                                                                                                                                   |     |          |                    |
|           | - Vật tư phụ khác: Tacke, ốc vít, băng keo, dây rút...                                                                                                                                                                                            |     |          |                    |
| 18.9      | Chi phí vận chuyển, nhân công lắp đặt, cài đặt, bảo hành                                                                                                                                                                                          | HT  | 1        |                    |
|           | - Chi phí vận chuyển vật tư thiết bị đến chân công trình                                                                                                                                                                                          |     |          |                    |
|           | - Chi phí lắp đặt hệ thống mạng, hệ thống điện                                                                                                                                                                                                    |     |          |                    |
|           | - Chi phí hoàn trả mặt bằng sau thi công                                                                                                                                                                                                          |     |          |                    |
|           | - Chi phí lắp đặt lắp đặt máy tính, âm thanh, máy chiếu, bàn ghế vào hệ thống                                                                                                                                                                     |     |          |                    |
|           | - Chi phí cài đặt máy tính, cấu hình hệ thống (kết nối, phân quyền...)                                                                                                                                                                            |     |          |                    |
|           | - Hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                        |     |          |                    |
|           | - Bảo hành, bảo trì hệ thống                                                                                                                                                                                                                      |     |          |                    |
| <b>II</b> | <b>Hạng mục: Hệ thống máy chiếu, hệ thống camera, máy lạnh, thiết bị điện, bàn ghế, tủ kệ hồ sơ, thiết bị hội trường</b>                                                                                                                          |     |          | <b>527.494.000</b> |
| 20        | Hệ thống máy chiếu                                                                                                                                                                                                                                |     |          |                    |
| 20.1      | Máy chiếu Epson                                                                                                                                                                                                                                   | Cái | 1        |                    |
|           | - Cường độ sáng trắng: 3.500 Ansi Lumens                                                                                                                                                                                                          |     |          |                    |
|           | - Cường độ sáng màu: 3.500 Ansi Lumens                                                                                                                                                                                                            |     |          |                    |
|           | - Độ phân giải thực: WXGA (1.280 x 800)                                                                                                                                                                                                           |     |          |                    |
|           | - Độ tương phản: 15.000:1                                                                                                                                                                                                                         |     |          |                    |
|           | - Bóng đèn: tuổi thọ 12000 giờ (ECO)                                                                                                                                                                                                              |     |          |                    |
|           | - Kết nối: USB 2.0 Type A, USB 2.0 Type B, RS-232C, Wireless LAN IEEE 802.11b/g/n (optional), VGA in (2x), VGA out, MHL, Wired Network, Stereo mini jack audio in (2x), Stereo mini jack audio out, Component in (2x), Composite in, HDMI in (2x) |     |          |                    |
|           | - Loa âm thanh: 5W                                                                                                                                                                                                                                |     |          |                    |
|           | - Chiều lệch góc: +/-30 độ (dọc, ngang)                                                                                                                                                                                                           |     |          |                    |
|           | - Tự động chỉnh vuông hình ảnh khi để máy lệch góc                                                                                                                                                                                                |     |          |                    |
|           | - Multi-PC trình chiếu 4 thiết bị cùng lúc                                                                                                                                                                                                        |     |          |                    |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                                                                 | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|      | - Trình chiếu hình ảnh từ USB                                                                                                                       |     |          |              |
|      | - Trình chiếu và quản lý máy chiếu thông qua mạng LAN                                                                                               |     |          |              |
|      | - Cổng USB-B (3 trong 1) trình chiếu hình ảnh, âm thanh                                                                                             |     |          |              |
|      | - Chức năng tạm dừng trình chiếu, tiết kiệm điện năng                                                                                               |     |          |              |
|      | - Phụ kiện kèm theo:                                                                                                                                |     |          |              |
|      | + <i>Cáp HDMI 15m, chống nhiễu tốt</i>                                                                                                              |     |          |              |
|      | + <i>Giá treo máy chiếu</i>                                                                                                                         |     |          |              |
| 20.2 | Màn chiếu điện                                                                                                                                      | Cái | 1        |              |
|      | - Loại màn chiếu điện điều khiển từ xa                                                                                                              |     |          |              |
|      | - Kích thước độ dài màn chiếu: 2m44 x 2m44                                                                                                          |     |          |              |
|      | - Tương đương: 136 inch đường chéo                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Kích thước khuôn hình: 96” x 96”                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Chất liệu: Mate White                                                                                                                             |     |          |              |
|      | - Remote sóng radio (rf) xuyên tường                                                                                                                |     |          |              |
|      | - Sản phẩm có bao gồm remote điều khiển từ xa                                                                                                       |     |          |              |
| 21   | Hệ thống camera                                                                                                                                     |     |          |              |
| 21.1 | Đầu ghi hình camera IP 16 kênh                                                                                                                      | Cái | 1        |              |
|      | - Đầu ghi hình NVR 16 kênh.                                                                                                                         |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ 16 kênh IP ngõ vào với độ phân giải lên đến 8 Megapixels, băng thông tối đa 200Mbps.                                                       |     |          |              |
|      | - Chuẩn nén hình ảnh: H.265/H.264.                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Tương thích với tín hiệu ngõ ra: VGA/ HDMI (Max 3840×2160)                                                                                        |     |          |              |
|      | - Chế độ xem lại: 1/4/8/16 kênh đồng thời.                                                                                                          |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ chuẩn Onvif 2.4.                                                                                                                           |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ 2 ổ cứng SATA với dung lượng 6TB cho mỗi ổ cứng.                                                                                           |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ 1 cổng USB 2.0 và 1 cổng USB 3.0.                                                                                                          |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ 1 cổng RJ45 10/100/1000Mbps.                                                                                                               |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ Cloud, QR Code: Dễ dàng cài đặt, quan sát qua phần mềm trên điện thoại, Server tại Việt Nam giúp truyền tải hình ảnh nhanh và ổn định hơn. |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ chức năng Push video báo động qua thiết bị di động trên phần mềm KBView Pro.                                                               |     |          |              |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                                                                                                                                 | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|      | - Hỗ trợ tên miền miễn phí KBVISION.TV trọn đời sản phẩm.                                                                                                                                           |     |          |              |
| 21.2 | Camera IP hồng ngoại 4.0 MP                                                                                                                                                                         | Cái | 1        |              |
|      | - Cảm biến hình ảnh: 1/3 inch CMOS                                                                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Độ phân giải: 4.0 Megapixel.                                                                                                                                                                      |     |          |              |
|      | - Chuẩn nén hình ảnh: H265+/H.264.                                                                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Ghi hình: 25/30fps@4M(2688×1520).                                                                                                                                                                 |     |          |              |
|      | - Ống kính: 3.6mm (góc nhìn 83°)                                                                                                                                                                    |     |          |              |
|      | - Tầm quan sát hồng ngoại: 40 mét.                                                                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ cân bằng ánh sáng, bù sáng, chống ngược sáng, chống nhiễu 3D-DNR, cảm biến ngày/ đêm giúp camera tự động điều chỉnh hình ảnh và màu sắc đẹp nhất phù hợp nhất với mọi môi trường ánh sáng. |     |          |              |
|      | - Chuyên chống ngược sáng true WDR (120dB).                                                                                                                                                         |     |          |              |
|      | - Hỗ trợ Chức năng nhận diện khuôn mặt.                                                                                                                                                             |     |          |              |
| 21.3 | Ổ cứng chuyên dụng                                                                                                                                                                                  | Cái | 2        |              |
|      | - Dung lượng: 6TB                                                                                                                                                                                   |     |          |              |
|      | - Kích thước: 3.5"                                                                                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Kết nối: SATA 3                                                                                                                                                                                   |     |          |              |
|      | - Tốc độ vòng quay: 7200RPM                                                                                                                                                                         |     |          |              |
|      | - Tốc độ truyền dữ liệu: 600MB/s.                                                                                                                                                                   |     |          |              |
|      | - Hoạt động liên tục 24 x 7 trên các thiết bị DVR.                                                                                                                                                  |     |          |              |
|      | - Cung cấp đồng thời 16 luồng dữ liệu HD.                                                                                                                                                           |     |          |              |
| 21.4 | Switch 6 Port                                                                                                                                                                                       | Cái | 1        |              |
|      | - Switch 6 cổng 10/100M với 4 cổng PoE, 2 cổng uplink.                                                                                                                                              |     |          |              |
|      | - Chuẩn 802.3af/at.                                                                                                                                                                                 |     |          |              |
|      | - Nguồn cấp PoE 802.3af (15.4W), 802.3at(30W).                                                                                                                                                      |     |          |              |
|      | - Tổng công suất: 60W.                                                                                                                                                                              |     |          |              |
|      | - Thiết kế nhỏ gọn, vỏ sắt                                                                                                                                                                          |     |          |              |
| 21.5 | Cáp mạng 5E                                                                                                                                                                                         | m   | 50       |              |
|      | - Loại: Cat 5E UTP 4 Pair Cable PVC Sheath @ 305m chống nhiễu                                                                                                                                       |     |          |              |
| 21.6 | Dây điện Cadivi 2 x 1.5mm2                                                                                                                                                                          | m   | 50       |              |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                          | ĐVT  | Số lượng | Giá gói thầu |
|------|--------------------------------------------------------------|------|----------|--------------|
| 21.7 | Vật tư phụ                                                   | Lô   | 1        |              |
| 21.8 | Nhân công lắp đặt, cấu hình hệ thống                         | HT   | 1        |              |
| 22   | Máy lạnh không Inverter 1.5 HP                               | Cái  | 8        |              |
|      | - Công suất lạnh: 1.5HP - 12.000 BTU                         |      |          |              |
|      | - Công nghệ inverter: Máy lạnh không Inverter                |      |          |              |
|      | - Loại máy: Điều hoà 1 chiều (chỉ làm lạnh)                  |      |          |              |
|      | - Phạm vi làm lạnh hiệu quả: Từ 15 - 20 m2 (từ 40 đến 60 m3) |      |          |              |
|      | - Loại gas sử dụng: R-32                                     |      |          |              |
|      | - Phụ kiện và nhân công lắp đặt:                             |      |          |              |
|      | + Ống đồng Thái Lan loại 1.5HP, bao gồm bảo ôn: 10m          |      |          |              |
|      | + Dây điện đơn dùng cho máy 1.5HP: 30m                       |      |          |              |
|      | + Ống PVC D21 thoát nước: 10m                                |      |          |              |
|      | + Giá đỡ cục nóng: 01 bộ                                     |      |          |              |
|      | + Vật tư phụ lắp đặt: Ốc vít, băng keo, silicon...           |      |          |              |
|      | + Nhân công lắp đặt, bảo hành tận nơi sử dụng                |      |          |              |
| 23   | Bóng đèn led 1.2m                                            | Bóng | 42       |              |
|      | - Nhãn hiệu: Điện Quang T8 N02 120/18W/ hoặc tương đương     |      |          |              |
|      | - Loại bóng đèn led tuýp thuỷ tinh bọc nhựa 1m2              |      |          |              |
|      | - Công suất: 18W                                             |      |          |              |
|      | - Điện áp: 170 – 250 V                                       |      |          |              |
|      | - Sử dụng công nghệ Led siêu sáng, tiết kiệm điện            |      |          |              |
| 24   | Quạt trần 3 cánh                                             | Cái  | 2        |              |
|      | - Nhãn hiệu: Asia J48004/ hoặc tương đương                   |      |          |              |
|      | - Loại quạt: Quạt trần 3 cánh (Đường kính cánh 140 cm)       |      |          |              |
|      | - Điện thế: 220V / 50 Hz                                     |      |          |              |
|      | - Điều khiển bằng hộp số                                     |      |          |              |
| 25   | Bàn làm việc ghép xem bản đồ lớn                             | Cái  | 45       |              |
|      | - Kích thước: 1200 x 600 x 750 (mm)                          |      |          |              |

| STT | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                                             | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|     | - Chất liệu: Toàn bộ bằng gỗ cao su ghép loại A (mặt bàn dày 25mm, các bộ phận khác dày 18mm)   |     |          |              |
|     | - Yếm bàn (mặt trước) cách mặt đất 350mm                                                        |     |          |              |
|     | - Quy cách: Bên phải có 1 ngăn kéo nhỏ, 1 hộc tủ cánh mở, bên trái có khay để bàn phím máy tính |     |          |              |
|     | - Toàn bộ được sơn phủ PU cao cấp, mặt ngoài phủ thêm lớp chống trầy xước                       |     |          |              |
|     | - Bàn sử dụng ray bi 3 tầng                                                                     |     |          |              |
|     | - Các loại tay nắm bằng nhôm (Inox), khóa loại tốt                                              |     |          |              |
| 26  | Bàn ghép xem bản đồ lớn                                                                         | Cái | 2        |              |
|     | - Kích thước: 2000 x 1200 x 750 (mm)                                                            |     |          |              |
|     | - Là kiểu bàn hình chữ nhật chân liền                                                           |     |          |              |
|     | - Mặt bàn ghép, dày 6cm                                                                         |     |          |              |
|     | - Chân bàn chữ H, ghép hộp dày 6cm                                                              |     |          |              |
|     | - Yếm lưng giữa bàn không đợt, nối 2 chân bàn                                                   |     |          |              |
|     | - Chất liệu: Khung xương bằng gỗ tràm (bông vàng), mặt bằng gỗ cao su ghép loại A, dày 18ly     |     |          |              |
|     | - Toàn bộ được sơn phủ PU cao cấp, mặt ngoài phủ thêm lớp chống trầy xước                       |     |          |              |
|     | - Bàn tiếp xúc sàn bằng đế cao su, có ốc tăng chỉnh độ cao thấp chống kêu                       |     |          |              |
| 27  | Ghế chân quỳ                                                                                    | Cái | 10       |              |
|     | - Hiệu Hòa Phát GL403 (trương đương)                                                            |     |          |              |
|     | - Loại ghế tĩnh chân quỳ                                                                        |     |          |              |
|     | - Kích thước: W590 x D590 x H905 (mm)                                                           |     |          |              |
|     | - Chất liệu: Khung thép mạ, đệm tựa bọc vải lưới                                                |     |          |              |
|     | - Đệm tựa liền bọc vải lưới chịu lực                                                            |     |          |              |
|     | - Bên dưới chân ghế có chốt nhựa an toàn giúp ghế không bị ngã về trước                         |     |          |              |
| 28  | Ghế gỗ lưng tựa                                                                                 | Cái | 45       |              |
|     | - Kích thước: 400 x 420 x 950 (mm)                                                              |     |          |              |
|     | - Kiểu dáng: Loại ghế tựa 1 nan, chạm khắc hoa văn                                              |     |          |              |
|     | - Khung xương ghế bằng gỗ tràm (bông vàng), đã qua xử lý                                        |     |          |              |
|     | - Mặt ghế bằng gỗ cao su ghép dày 18mm, đã qua xử lý                                            |     |          |              |
|     | - Đầu ghế vát cong thẩm mỹ                                                                      |     |          |              |

| STT | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                       | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-----|----------|--------------|
|     | - Chân ghế có thanh giằng chắc chắn                                       |     |          |              |
|     | - Toàn bộ được sơn phủ PU cao cấp, mặt ngoài phủ thêm lớp chống trầy xước |     |          |              |
| 29  | Ghế inox                                                                  | Cái | 40       |              |
|     | - Kích thước: W380 x D380 x H500 (mm)                                     |     |          |              |
|     | - Khung ống inox Ø25 dày 1.0mm chắc chắn                                  |     |          |              |
|     | - Đệm tròn bằng inox mặt trơn hoặc sần, dày 1.0mm                         |     |          |              |
|     | - Ghế có thể xếp chồng tiết kiệm không gian cất giữ                       |     |          |              |
|     | - Chất liệu: Inox 201                                                     |     |          |              |
|     | - Hàng đặt đóng chắc chắn                                                 |     |          |              |
| 30  | Kệ đựng tài liệu                                                          | Cái | 10       |              |
|     | - Kích thước: D2450 x S400 x C2050 (mm)                                   |     |          |              |
|     | - Khung kệ bằng thép V30x50 đục lỗ, dày 2mm, sơn tĩnh điện cao cấp        |     |          |              |
|     | - Toàn bộ khung thép liên kết ngàm hoặc Bulon dễ tháo ráp                 |     |          |              |
|     | - Mặt sau kệ có 2 thanh giằng chắc chắn                                   |     |          |              |
|     | - Loại kệ 4 tầng, 5 mâm (5 đợt)                                           |     |          |              |
|     | - Mâm kệ (đợt kệ) bằng gỗ cao su ghép dày 18mm                            |     |          |              |
| 31  | Tủ đựng hồ sơ                                                             | Cái | 1        |              |
|     | - Kích thước: 1000 x 400 x 1830 (mm)                                      |     |          |              |
|     | - Kiểu dáng: Tủ được chia thành 02 phần                                   |     |          |              |
|     | + Phần trên có 2 khoang, mỗi khoang có 3 đợt, 2 cánh cửa gỗ không kính    |     |          |              |
|     | + Phần dưới gồm 2 tủ cánh mở (có tay nắm và khóa)                         |     |          |              |
|     | - Chất liệu:                                                              |     |          |              |
|     | + Hông tủ, đáy, nóc tủ, cánh tủ, ván tầng vách ngăn bằng gỗ MDF dày 18mm  |     |          |              |
|     | + Hậu tủ bằng ván MDF dày 5mm phủ vân gỗ                                  |     |          |              |
|     | + Nóc tủ được bồi ván dày 60mm soi chỉ 3 tầng                             |     |          |              |
|     | + Khóa cửa tủ, tay nắm nhôm (hàng nhập khẩu Đài Loan)                     |     |          |              |
|     | - Toàn bộ được sơn phủ PU cao cấp                                         |     |          |              |
| 32  | Thiết bị hội trường                                                       |     |          |              |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                   | ĐVT  | Số lượng | Giá gói thầu |
|------|-----------------------------------------------------------------------|------|----------|--------------|
| 32.1 | Phông màn hội trường                                                  | m2   | 21       |              |
|      | - Kích thước khoảng: 5200 x 4000 (mm)                                 |      |          |              |
|      | - Phông màn nền vải nhung màu đỏ Hàn Quốc                             |      |          |              |
|      | - Cây treo bằng Inox 304                                              |      |          |              |
|      | - Toàn bộ được may xếp ly                                             |      |          |              |
|      | - Bao gồm nhân công thi công lắp đặt                                  |      |          |              |
| 32.2 | Cờ Đảng, cờ Tổ Quốc (treo trên phong hội trường)                      | Bộ   | 1        |              |
|      | - Búa liềm bằng mica nổi - đường kính 45cm                            |      |          |              |
|      | - Ngôi sao vàng bằng mica nổi - đường kính 45cm                       |      |          |              |
| 32.3 | Phông cờ                                                              | m2   | 7        |              |
|      | - Kích thước: 2000 x 3400mm                                           |      |          |              |
|      | - Phông màn nền vải nhung màu đỏ Hàn Quốc                             |      |          |              |
|      | - Cây treo bằng Inox 304                                              |      |          |              |
|      | - Toàn bộ được may xếp ly                                             |      |          |              |
|      | - Bao gồm nhân công thi công lắp đặt                                  |      |          |              |
| 32.4 | Bảng khẩu hiệu                                                        | Bảng | 1        |              |
|      | - Nội dung: "Đảng cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm"              |      |          |              |
|      | - Kích thước: 5200 x 450 (mm)                                         |      |          |              |
|      | - Chất liệu: Khung sắt sơn tĩnh điện, viền nhôm Đài Loan, bảng mica   |      |          |              |
|      | - Chữ dán decal màu vàng trên nền mica màu đỏ, viền hoa văn trang trí |      |          |              |
|      | - Bao gồm phụ kiện và thi công lắp đặt                                |      |          |              |
| 32.5 | Bục tượng Bác                                                         | Bục  | 1        |              |
|      | - Kích thước: 1200 x 500 x 700 (mm)                                   |      |          |              |
|      | - Làm bằng gỗ thông tự nhiên, dày 18mm                                |      |          |              |
|      | - Mặt trước trang trí, chạy chỉ                                       |      |          |              |
|      | - Toàn bộ được sơn phủ PU cao cấp, mặt ngoài phủ thêm lớp chống trầy  |      |          |              |
| 32.6 | Bục phát biểu                                                         | Bục  | 1        |              |
|      | - Kích thước: 1200 x 600 x 800 (mm)                                   |      |          |              |

| STT  | Tên hàng hóa/ Mô tả                                                  | ĐVT | Số lượng | Giá gói thầu         |
|------|----------------------------------------------------------------------|-----|----------|----------------------|
|      | - Làm bằng gỗ thông tự nhiên, dày 18mm                               |     |          |                      |
|      | - Mặt trước trang trí, chạy chỉ                                      |     |          |                      |
|      | - Bên trong có ngăn để tài liệu                                      |     |          |                      |
|      | - Toàn bộ được sơn phủ PU cao cấp, mặt ngoài phủ thêm lớp chống trầy |     |          |                      |
| 32.7 | Tượng Bác                                                            | Cái | 1        |                      |
|      | - Chất liệu: Bằng thạch cao nhũ đồng                                 |     |          |                      |
|      | - Kích thước: 70cm                                                   |     |          |                      |
|      | - Trọng lượng: 7Kg                                                   |     |          |                      |
|      | <b>Tổng giá trị gói thầu (bao gồm VAT)</b>                           |     |          | <b>1.257.212.000</b> |

***(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm bảy triệu, hai trăm mười hai ngàn đồng.)***